TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 330/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 201/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Ông Bùi Tấn H, sinh năm 1977.
Địa chỉ: 6/1A Đường T, phường M (Phường M, Quận M cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Vi Phương T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: 6/1A Đường T, phường M (Phường M, Quận M cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61/KH, quyển số 01/2010, ngày 18/5/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường M, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T đã thực sự tự nguyện ly hôn; Về con chung: Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T tự khai có 01 (một) con chung, tên: Bùi Tấn D (nam), sinh ngày 31/8/2016. Hai bên thỏa thuận giao bà Trần Vi Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Bùi Tấn D. Ông Bùi Tấn H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 (*năm triệu)* đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 30 (ba mươi) dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật; Về tài sản chung: Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T tự

khai đôi bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Bùi Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T tự khai đôi bên không có nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Nhận thấy việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 27/8/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T tự khai có 01 (một) con chung, tên: Bùi Tấn D (nam), sinh ngày 31/8/2016.

Giao bà Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Bùi Tấn D. Ông Bùi Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Bùi Tấn D số tiền là 5.000.000 (*năm triệu)* đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ vào ngày 30 (ba mươi) dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện hoặc thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Vi Phương T mà ông Bùi Tấn H không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Bùi Tấn H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Ngược lại, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T tự khai đôi bên không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T tự khai đôi bên không có nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn)* đồng, ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T phải chịu mỗi người là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn)* đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*ba trăm ngàn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu: BLTU/25E, số: 0010698 ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực B - Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Tấn H và bà Trần Vi Phương T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực B - TP.HCM;
- UBND phường M, TP.HCM (GCNKH số 61/KH, quyển số 01/2010, ngày 18/5/2010);
- Phòng THADS khu vực B - TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Huế